TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Nương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Lê Hữu Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ A, ấp Gò N, xã Ninh Đ, huyện C T, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn: Chị **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1973 và anh **Nguyễn Thế V**, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp Gò N, xã Ninh Đ, huyện C T, tỉnh Tây Ninh;

Chị Võ Thị Thu H hiện đang chấp hành án tại phân trại a, Trại Giam T, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Do chòm xóm quen biết nên chị T có tham gia chơi 01 dây hụi do chị H làm chủ hụi như sau:

Dây hụi số 4: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2017 âm lịch (21/4/2017 DL). Hụi 30 ngày khui 1 lần, có 30 phần, có 26 hụi viên, chị tham gia 01 phần, từ khi khui hụi chị đóng hụi sống cho chị H được 14 lần đến ngày 12/4/2018 AL, với tổng số tiền vốn là 50.260.000 đồng. Ngày 3/5/2018 AL (16/6/2018 DL), chị H tuyên bố ngưng hụi và viết giấy gút hụi thừa nhận có nợ chị số tiền hụi sống đã đóng được 50.260.000 đồng và tính lãi cho chị số tiền 19.740.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử bị cáo H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị T số tiền 7.520.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chị H, anh V trả số tiền còn lại là 62.480.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Ngày 14/3/2022 chị xin rút lại yêu cầu không yêu cầu chị H, anh V trả tiền lãi theo quy định pháp luật cho đến khi xét xử. Chị chỉ yêu cầu chị H, anh V trả số tiền lã đã gút hụi ngày 03/5/2018 AL.

Ngày 15/4/2022 chị làm đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị H, anh V trả cho chị số tiền vốn của dây hụi trên là 50.260.000 đồng và tiền lãi là 19.740.000 đồng. Chị đồng ý khấu trừ số tiền 7.520.000 đồng Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử buộc chị H bồi thường cho chị. Nay chị H, anh V phải trả cho chị số tiền vốn của dây hụi trên là 42.740.000 đồng và lãi là 19.740.000 đồng, tổng cộng là 62.480.000 đồng. Đối với số tiền lãi 19.740.000 đồng, đây là lãi suất mà chị H thỏa thuận gút hụi cho chị trong tờ giấy gút hụi ngày 03/5/2018AL. Nay chị yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày gút hụi 03/5/2018AL cho đến ngày Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm với số tiền lãi như ban đầu là 19.740.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu bất kỳ số tiền nào khác.

Bị đơn chị Võ Thị Thu H trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 11/03/2022:

Chị H trình bày chị thống nhất với những dây hụi chị T tham gia do chị làm chủ hụi. Số tiền gút trong giấy nợ hụi là do chị viết và hai bên thỏa thuận, do chị đang chấp hành án nên không có khả năng trả lãi cho chị T, chị xin không tính lãi chỉ đồng ý trả vốn còn lại là 42.740.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến

chồng chị là anh Nguyễn Thế V, anh V không biết việc chị làm, chị H không đồng ý chị T yêu cầu anh V cùng trả số tiền trên.

Bị đơn anh Nguyễn Thế V trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2022:

Việc chị H vợ anh chơi hụi cùng các hụi viên anh không biết. Tại thời điểm đó anh đi làm cho 02 công ty là bảo hiểm và bưu điện Châu Thành, thu nhập mỗi tháng của anh là 40.000.000 đồng đủ trang trải trong gia đình nên việc làm của vợ anh không nhằm mục đích lo cho gia đình, khi nhiều người đến nhà anh đòi nợ thì anh mới biết nên anh không đồng ý trả số nợ trên cho chị H. Anh chỉ viết giấy đồng ý cho chị H bán nhà trả nợ cho người chơi hụi mà vợ anh chị H thiếu nợ.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Châu Thành trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, buộc chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Thế V cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi vốn là 42.740.000 đồng và tiền lãi của số tiền hụi theo quy định pháp luật.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về Điều luật áp dụng: Hụi các bên xảy ra và gút nợ vào năm 2018 nên áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thế V và chị Võ Thị Thu H trả số tiền 62.480.000 đồng (Sáu Mươi hai triệu bốn trăm tám

mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vốn chơi hụi là 42.740.000 đồng và lãi là 19.740.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản nợ hụi giữa chị Nguyễn Thị Thu T và chị Võ Thị Thu H là chủ hụi đã thống nhất về thời gian mở hụi, bể hụi, giấy gút nợ hụi do chị H viết cho chị T, lời trình bày của chị H là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3.1] Đối với số tiền nợ hụi trên chị H thống nhất với chị T theo biên nhận nợ do chị viết cho chị T. Tổng số tiền hụi vốn chị T đã đóng cho dây hụi trên và khấu trừ số tiền 7.520.000 đồng mà Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử ngày 29/12/2020 buộc chị H trả lại cho chị. Hụi bể nên chị T yêu cầu trả số nợ hụi vốn, chị H đồng ý trả số tiền nợ hụi vốn này cho chị T là phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với chứng cứ chị T khởi kiện trong vụ án là giấy gút nợ hụi và lãi bản phô tô vì bản chính đã nộp cho các cơ quan nay đã thất lạc. Tòa án đã sao lục giấy nợ từ hồ sơ của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, có dây hụi chị T tham gia như trình bày. Chị H cũng thừa nhận và đồng ý trả số tiền ghi trong giấy nợ là do chị viết gút nợ và chưa trả số tiền chị T kiện trên nên chứng cứ chị T khởi kiện là phù hợp.

[3.2] Đối với yêu cầu của chị T buộc vợ chồng anh Nguyễn Thế V và chị Võ Thị Thu H cùng có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị H làm chủ hụi và mở nhiều dây hụi trong một thời gian dài với nhiều sổ sách tính toán, mỗi khi khui hụi thì có nhiều người đến nhà, cũng như việc chị H đi gom hụi hàng ngày. Trong khi anh V và chị H là vợ chồng trong thời kỳ hôn Tsống chung nhà nên phải biết, thu nhập hàng tháng của chị H cũng là cùng anh V lo cho cuộc sống gia đình, cuộc sống chung. Một số giấy nợ anh V cũng có ký nhận thay nợ cho chị H nên cần buộc vợ chồng anh V, chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T là phù hợp.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền nợ hụi của chị H và anh V là phù hợp.

[3.3]. Xét yêu cầu tính lãi của chị T đối với số tiền nợ hụi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên khi gút số tiền nợ hụi trong giấy nợ thỏa thuận lãi suất không cụ thể là bao nhiêu, chỉ ghi lãi đồng ý trả theo thỏa thuận là 19.740.000 đồng, không ghi thời gian trả nợ. Căn cứ vào Điều 468, 469 và điểm a, khoảng 3 Điều 6 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi này phù hợp không vượt quá mức quy định 20%/năm của số tiền gốc là 42.740.000 đồng, tính từ ngày gút nợ 03/5/2018 AL (16/6/2018 DL) đến ngày xét xử nên chấp nhận số tiền lãi trên. Chị H xin không trả lãi vì đang chấp hành án không có khả năng trả lãi nhưng chị T không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận cho lời trình bày của chị H về phần lãi.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử, xét thấy cần buộc chị H, anh V phải trả tổng số tiền vốn và lãi cho chị T tính đến ngày xét xử là 62.480.000 đồng, tiền nợ hụi vốn 42.740.000 và 19.740.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: anh V và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Thế V.

Buộc chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Thế V cùng có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thu T tổng số tiền nợ hụi là 62.480.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ hụi vốn là 42.740.000 đồng; lãi 19.740.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ số: 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 3 năm 2022 tiếp tục có hiệu lực thi hành.

2. Về án phí:

Chị Võ Thị Thu H, anh Nguyễn Thế V phải chịu 3.124.000 đồng (Ba Triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành hoàn trả tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 1.562.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007321 ngày 16 tháng 4 năm 2021. Chị T được nhận lại số tiền trên.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Kim Nương

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự huyện Châu Thành
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.